

# XU THẾ TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRÊN THẾ GIỚI

**PHẠM ĐỨC QUANG** - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
Email: pducquanghn62ktrung@yahoo.com.vn

**NGUYỄN THẾ SƠN** - Trường THPT Hàn Thuyên - Bắc Ninh  
Email: ntsonbm.edu@gmail.com

**Tóm tắt:** Tích hợp chương trình giáo dục giúp cho các nội dung học tập xích lại gần với cuộc sống của con người, gắn với cuộc sống lao động, khác hẳn với môi trường khi họ đang học ở trường. Đến nay, nhiều nước đã nỗ lực thực hiện tích hợp chương trình giáo dục và đã có thành công. Ở Việt Nam, tích hợp trong dạy học xuất hiện từ rất lâu nhưng trước đây không dùng chính xác thuật ngữ “tích hợp”. Hơn nữa, tích hợp cũng chưa được hiểu một cách thấu đáo, thống nhất, mới chỉ dừng ở mức hiểu tích hợp như là sự kết nối, liên hệ, lồng ghép các vấn đề gần nhau. Vì vậy, tìm hiểu về tích hợp chương trình giáo dục để có cách hiểu thống nhất và có thể triển khai ở nước ta là điều cần thiết. Bài viết tổng thuật về xu thế tích hợp, các mô hình tích hợp trong giáo dục qua nghiên cứu của một số nhà khoa học hay chương trình giáo dục trên thế giới.

**Từ khóa:** Tích hợp; chương trình; giáo dục phổ thông; thế giới.

(Nhận bài ngày 8/3/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 17/5/2016; Duyệt đăng ngày 27/7/2016).

## 1. Đặt vấn đề

Tích hợp luôn xảy ra ở xung quanh chúng ta, ở khắp mọi nơi trong tự nhiên và xã hội. Ngày nay, hầu hết các công việc yêu cầu sự kết hợp của một loạt các kiến thức (KT), kĩ năng (KN), đòi hỏi người lao động có trình độ cao. Thực tế đó đặt ra cho giáo dục một vấn đề cần giải quyết là dạy họ cách làm mà không phải cầm tay chỉ việc. Với nhà trường truyền thống, học sinh (HS) chủ yếu được tiếp cận với một tập hợp các sự kiện hay KT; yêu cầu ghi nhớ chúng nhưng sau đó thường không có cơ hội để vận dụng, áp dụng trong cuộc sống bên ngoài nhà trường. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc kết nối thông tin phát triển mạnh như hiện nay sự không kết nối liên ngành trong giáo dục tỏ ra bị thờ ơ, lỗi thời.

Tích hợp chương trình giáo dục (THCTGD) giúp cho các nội dung học tập xích lại, gần với cuộc sống của con người, gắn với cuộc sống lao động, khác hẳn với môi trường khi họ đang học ở trường. Đến nay, nhiều nước đã nỗ lực thực hiện THCTGD và bước đầu có thành công. Bài viết tổng thuật về xu thế tích hợp, các mô hình tích hợp trong giáo dục qua nghiên cứu của một số nhà khoa học hay chương trình giáo dục trên thế giới.

## 2. Sự cần thiết phải tích hợp chương trình giáo dục

Với sự phát triển như vũ bão của khoa học, kĩ thuật và công nghệ, tri thức của loài người đang gia tăng nhanh chóng. Ước tính chỉ sau 7 năm khối lượng tri thức đã tăng gấp đôi, nghĩa là đến năm 2022 sẽ gấp 2 lần năm 2015. Đồng thời, ngày càng có nhiều cơ hội để mỗi người dễ dàng tiếp cận các thông tin mới nhất.

Khoảng thế kỉ XV-XIX, các môn Khoa học tự nhiên (KHTN) đã nghiên cứu sâu thế giới hiện thực theo tư duy phân tích, mỗi ngành nghiên cứu một dạng vật chất, hình thức vận động của chúng trong tự nhiên. Song, do giới

tự nhiên luôn là một thể thống nhất nên đến thế kỉ XX đã xuất hiện những khoa học liên ngành và hình thành những lĩnh vực tri thức đa ngành, liên ngành. Theo đó, các KHTN đã chuyển từ tiếp cận *phân tích - cấu trúc* sang *tổng hợp - hệ thống*. Sự thống nhất của tư duy phân tích và tổng hợp là cần thiết cho sự phát triển nhận thức, tạo nên tiếp cận *cấu trúc - hệ thống*, đem lại cách nhận thức biện chứng về mối quan hệ giữa bộ phận với toàn thể.

Ngày nay, xu thế phát triển của khoa học là tiếp tục phân hoá sâu, song song với *tích hợp liên môn*, liên ngành. Như thế, việc giảng dạy trong nhà trường phổ thông phải phản ánh sự phát triển của khoa học hiện đại bởi không thể cứ tiếp tục giảng dạy theo những lĩnh vực tri thức riêng rẽ. Mặt khác, khối lượng tri thức khoa học đang gia tăng nhanh chóng mà thời gian học tập ở nhà trường có hạn nên phải chuyển từ dạy các môn học riêng rẽ sang THCTGD. Trước bối cảnh đó, trong giáo dục, nhất là ở các nhà trường phổ thông, buộc phải xem lại cách dạy của giáo viên (GV), chủ yếu là truyền đạt kiến thức, đặc biệt là những KT của từng môn khoa học riêng rẽ như: Vật lí, Hoá học, ... Để tránh quá tải và phát triển được năng lực người học, GV cần biết dạy tích hợp, dạy học sinh (HS) cách học, biết cách thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin; biết vận dụng các KT học được vào các tình huống của thực tiễn.

## 3. Một số quan niệm về tích hợp chương trình giáo dục

Đến nay, còn có nhiều cách hiểu không giống nhau về THCTGD, nguyên nhân chính là do có nhiều bình diện tiếp cận khác nhau.

a) Đôi khi GV cho rằng, THCTGD là việc kết hợp công việc của 2 GV hay 2 nhóm GV của 2 nhóm môn học về 2 nội dung, 2 chủ đề giảng dạy cụ thể mà họ đang đảm nhiệm, dạy trong các lớp học của mình, tại cùng một thời điểm.



THCTGD hiểu một cách đầy đủ là sự kết hợp các môn học (ngành học) theo cách hiệp lực, làm cho KT của một môn học không thể tách rời KT thuộc những môn học khác có liên quan còn sự phân tách chỉ xảy ra khi giảng dạy nội dung phức tạp hoặc kiến thức, khái niệm chuyên môn. Khi đó, môn học riêng lẻ đang dạy đóng vai như nguồn kiến thức, dữ liệu chính cho tích hợp.

THCTGD có thể xem như một khía cạnh trong cách tiếp cận học tập của nhà trường bởi nó hầu như được tiếp cận và trình bày dưới hình thức các chủ đề; thường yêu cầu học tập dựa trên dự án và nhóm HS linh hoạt, thường nhấn mạnh mối quan hệ giữa các KT quan trọng xuyên môn.

b) THCTGD được UNESCO quan niệm là một cách cho phép trình bày các KT (khái niệm và nguyên lý khoa học) sao cho thống nhất, cơ bản theo tư tưởng khoa học, tránh nhấn quá mạnh hoặc quá sớm sự sai khác giữa các lĩnh vực, môn học khác nhau. Theo đó, tích hợp không phải là hợp nhất nội dung dạy học giữa các môn học với nhau. Hơn nữa, việc giảng dạy không chỉ xem là trang bị KT hay chuẩn bị cho HS học ở các lớp trên mà giúp các em sẵn sàng bước vào đời sống, lao động sau này. Một trong những bài học cơ bản của giáo dục tích hợp là chỉ ra sự tương hỗ giữa hiểu biết và hành động, cách chuyển từ nghiên cứu khoa học sang triển khai ứng dụng, làm cho các tri thức kĩ thuật - công nghệ trở thành một bộ phận quan trọng trong đời sống xã hội hiện đại.

Theo hướng tích hợp, gắn học và hành, GV phải chuyển từ đơn thuần dạy KT sang phát triển ở HS các năng lực hành động, xem năng lực là nền tảng cho tích hợp. Vì vậy, toàn bộ quá trình học tập góp phần hình thành ở HS những năng lực cụ thể, có dự tính trước những điều kiện cần thiết phục vụ cho việc học lên cũng như hòa nhập vào cuộc sống lao động nên tích hợp tìm cách làm cho quá trình học tập có ý nghĩa.

Ngoài những hoạt động học tập riêng lẻ cần thiết cho các năng lực đó, còn tính đến những hoạt động tích hợp, trong đó, HS học cách sử dụng phối hợp những KT, KN, thao tác đã có. Phải sàng lọc cẩn thận những thông tin có ích để hình thành các năng lực và mục tiêu tích hợp.

#### **4. Một số mục tiêu chính của tích hợp chương trình giáo dục**

THCTGD có một số mục tiêu chính như sau:

- Làm cho HS thấy được ý nghĩa của việc học, nhờ tăng cường gắn kết kiến thức được học với thực tiễn đời sống, thông qua các tình huống cụ thể mà chúng sẽ gặp sau này, làm gần hơn nhà trường với thế giới xung quanh.

- Làm rõ nội dung quan trọng mà HS cần đạt sau khi học. Đó là những năng lực chung, cốt lõi mà HS cần và có thể vận dụng để xử lí những tình huống có ý nghĩa trong cuộc sống hoặc đặt cơ sở không thể thiếu cho quá trình học tập tiếp theo. Thực tế cho thấy, có nhiều vấn đề chúng ta dạy cho HS nhưng chưa thật sự có ích, ngược lại, có những năng lực cần hình thành lại không được đầu tư thích đáng. Chẳng hạn, HS biết đổi một kilômet ra centimet song lại không ước lượng được một mét khoảng mấy gang tay.

- Tăng cường thực hành, ứng dụng, sử dụng KT trong tình huống cụ thể. Thay vì chỉ chú trọng dạy cho HS nhiều KT hàn lâm, dạy tích hợp còn chú trọng tập dượt cho các em vận dụng KT, KN học được vào các tình huống thực tế, có ích cho cuộc sống sau này để chúng trở thành công dân tốt, người lao động giỏi, biết sống tự lập,...

- Hiểu KT trong hệ thống, tổng thể. Khi học tập, HS có thể lần lượt học KT thuộc những môn học khác nhau song các em phải hình dung được các KT, khái niệm đã học theo hệ thống, trong phạm vi từng môn học cũng như giữa các môn học khác nhau. Vì vậy, thông tin càng đa dạng, phong phú, tính hệ thống càng cao, nhờ đó, các em mới thực sự làm chủ được KT và vận dụng những gì đã học khi phải đương đầu với một tình huống thách thức, bất ngờ, chưa từng gặp.

### **5. Một số phương pháp tích hợp chương trình giáo dục trong nhà trường**

#### **5.1. Theo d' Hainaut có bốn quan điểm khác nhau đối với tích hợp chương trình giáo dục**

a) Quan điểm "đơn môn": Khi xây dựng chương trình theo hệ thống các môn học riêng biệt, việc sắp xếp KT theo trình tự để dạy học sao cho hợp lí cũng được xem là tích hợp, đó là tích hợp nội môn.

b) Quan điểm "đa môn" cho rằng, một chủ đề học tập có liên quan với những KT, KN thuộc một số môn học khác nhau. Tuy các môn học tiếp tục được tiếp cận riêng rẽ nhưng phối hợp với nhau ở một số đề tài nội dung.

c) Quan điểm "liên môn": Theo cách này nội dung học tập được thiết kế thành một chuỗi vấn đề, tình huống, muốn giải quyết phải huy động tổng hợp kiến thức KN của những môn học khác nhau.

d) Quan điểm "xuyên môn": Nội dung học tập hướng vào phát triển những KN, năng lực cơ bản mà HS có thể sử dụng vào tất cả các môn học khi giải quyết những tình huống khác nhau.

Như vậy, nhu cầu phát triển xã hội hiện đại đòi hỏi giáo dục hướng tới quan điểm liên môn và xuyên môn.

#### **5.2. Theo Xavier Roegiers có bốn cách tích hợp chương trình giáo dục**

a) Cách 1: Để vận dụng được tốt đòi hỏi KT tổng hợp, chung cho nhiều môn học. Tuy nhiên, tích hợp chỉ được thực hiện ở cuối chủ đề hay cuối năm học, cấp học. Ví dụ: Các môn Vật lí, Hoá học, Sinh học vẫn được dạy riêng rẽ nhưng đến cuối năm học, cấp học có một phần hay một chương yêu cầu phối hợp những KT chung của các môn và trải nghiệm thực tiễn, HS được đánh giá bằng một bài thi tổng hợp KT.

b) Cách 2: Những ứng dụng chung cho nhiều môn học được thực hiện ở nhiều thời điểm trong năm học. Ví dụ: Các môn Vật lí, Hoá học, Sinh học vẫn được giảng dạy riêng rẽ do đặc thù hay logic phát triển nội dung từng môn học đó, hoặc vì các môn học này do GV khác nhau đảm nhiệm. Song chương trình có bố trí đan xen một số nội dung tích hợp liên môn vào thời điểm thích hợp làm cho HS quen dần với việc sử dụng KT của những môn học gần nhau.

c) Cách 3: Phối hợp quá trình học tập những môn

học khác nhau bằng chủ đề hay dự án tích hợp. Cách này được áp dụng cho những môn học gần nhau về bản chất, mục tiêu hoặc cho những môn học có đóng góp, bổ sung cho nhau và thường tựa vào một môn học xem như công cụ chính. Trong trường hợp đó nội dung dạy học tích hợp được một GV đảm nhiệm.

Thực tiễn cho thấy, cách này phù hợp chủ yếu ở tiểu học, khi các vấn đề đặt ra thường đơn giản, có giới hạn. Ví dụ: Bài tập đọc có tích hợp KT Lịch sử, Khoa học; bài toán có tích hợp KT dân số, môi trường. Cách tiếp cận trên cố gắng khai thác, bổ sung lẫn nhau giữa các môn học, hướng vào mục tiêu chung bằng các chủ đề nội dung.

d) *Cách 4*: Phối hợp nội dung học tập những môn học khác nhau bằng các tình huống tích hợp, xoay quanh những mục tiêu chung cho nhóm môn đó, tạo thành môn học tích hợp. Ví dụ: Môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học tích hợp các KT về con người, sức khỏe, gia đình và nhà trường với môi trường xã hội, động vật thực vật, bầu trời và mặt đất.

Lên đến trung học cơ sở hay trung học phổ thông, hệ thống KT đã phức tạp hơn, đòi hỏi sự phát triển tuần tự, chặt chẽ hơn, mỗi môn học thường do một GV được đào tạo đảm nhiệm. Do đó, cách tích hợp thứ 3 khó thực hiện, người ta thiên về áp dụng cách 4, tuy có nhiều khó khăn nhưng phải tìm cách vượt qua vì tích hợp là xu hướng tất yếu, đem lại nhiều lợi ích cho HS.

### 5.3. Theo nhóm nghiên cứu do Susan M. Drake đề cập có ba dạng

#### 5.3.1. Tích hợp đa môn

Tập trung chủ yếu và chỉ ra, sắp xếp tiêu chuẩn cần đạt từ các môn học, hướng vào một chủ đề chung. Có nhiều cách khác nhau để tạo ra các chương trình đa môn, có xu hướng khác nhau về mức độ tích hợp. Nhóm tác giả này đề cập 5 cách tiếp cận chính, đó là:

a) *Tiếp cận nội môn*: Khi GV tích hợp các phân môn nhỏ trong phạm vi một chủ đề. Chẳng hạn: Tích hợp đọc, viết và giao tiếp trong dạy học Ngôn ngữ là một ví dụ phổ biến theo cách tiếp cận này. Qua đó, GV mong đợi HS hiểu được các kết nối giữa KT của các môn khác nhau và mối quan hệ của chúng với thế giới thực. Thực tế cho thấy, theo cách này chương trình bước đầu cải thiện, tác động tích cực vào thành tích học tập với những HS theo học.

b) *Tiếp cận hỗn hợp*: GV hợp nhất các KN, KT, thậm chí thái độ trong chương trình học thông thường. Ví dụ: Các KN máy tính trong chương trình Công nghệ được tích hợp vào tất cả các môn học khác.

c) *Tiếp cận "Dịch vụ học tập"*: Qua các dự án cộng đồng. Theo đó, vấn đề được giải quyết không chỉ trong một môn học mà qua nhiều môn. Qua nghiên cứu ở Trường Springfield, Massachusetts cho biết, điểm trung bình của HS được cải thiện; tỉ lệ HS bỏ học giảm từ 12% xuống 1%; số lượng HS đi học đại học tăng 22%,... Hơn nữa, dạy học tích hợp còn làm sắc nét KN con người và chuẩn bị cho HS tham gia cuộc sống, lao động sau này.

d) *Tiếp cận song song*: Là cùng giải quyết một chủ đề theo các môn học khác nhau, được đề cập trong chương

trình. Ví dụ, cho phép HS tìm hiểu vấn đề quan tâm từ bình diện của Toán học, Ngôn ngữ, Khoa học hay Xã hội học; tới các lớp trên, HS có thể trải nghiệm song song, tìm hiểu sâu về cùng chủ đề, nội dung học tập như Văn học, Lịch sử,...

e) *Tiếp cận dựa trên đơn vị bài học*: Nghiên cứu sâu nội dung bài học trong chương trình, từ đó đưa ra kế hoạch hợp tác với các môn khác, theo một chủ đề hay bài học có tính đa môn. Vì vậy, phải xác định mục tiêu và phương thức làm việc chung, hợp tác giữa các môn, theo cùng chủ đề để giải quyết vấn đề đặt ra. Thường vài ba môn học có liên quan phải nghiên cứu và đề xuất các đơn vị KT chung, sao cho sau khi học hay kết thúc hoạt động, người học đạt được mục tiêu đề ra nhờ vận dụng hiểu biết hay KT của nhiều môn, lĩnh vực. Tức là, HS có KT nhờ chương trình xây dựng ở mức tích hợp cao. Theo cách này, các chủ đề tích hợp có thể được thực hiện với thời lượng vài tuần và với chủ đề đó thì các nhóm, thậm chí toàn trường có thể tham gia.

#### 5.3.2. Tích hợp liên môn

Để tích hợp, GV tổ chức nội dung giảng dạy hay bài học quanh chủ đề chung mà tất cả các môn liên quan và có thể đóng góp ít nhiều vào thành tích chung. Khi đó, bài học thường được "nhúng" trong các môn học để làm rõ, nhấn mạnh các KT liên môn. Theo cách này, KT thuộc từng bộ môn cụ thể được HS nhận biết song quan trọng hơn là biết thêm cách tiếp cận đa môn, để tìm ra chiến lược nhằm giải quyết vấn đề đặt ra. Hay nói cách khác, cách này chú trọng KN, phương pháp học, cách suy nghĩ giải quyết vấn đề là chính, không quá chú trọng dạy KT, KN theo cách cũ.

#### 5.3.3. Tích hợp xuyên môn

THCTGD được tổ chức xoay quanh và dựa trên vấn đề hay mối quan tâm của HS nên các em phát triển được các KN cần thiết cho cuộc sống nhờ áp dụng các KN xuyên môn trong một bối cảnh gần hay gần gũi với thực tế cuộc sống.

Có hai phương pháp chính để tích hợp xuyên môn, đó là:

a) *Tổ chức học tập theo dự án*: GV và HS chọn một chủ đề nghiên cứu dựa trên lợi ích, nguyện vọng của HS, yêu cầu hay đề ra tiêu chuẩn cần đạt và các nguồn lực, điều kiện sẵn có của địa phương; GV tìm hiểu những gì HS đã biết và giúp họ tạo ra những câu hỏi để khám phá; GV cung cấp nguồn lực và phương pháp giúp các em có nhiều cơ hội tìm hiểu về lĩnh vực hay vấn đề quan tâm; HS chia sẻ công việc của họ với những người khác khi hoạt động; HS thăm dò, hiển thị các kết quả và đánh giá, tự đánh giá dự án thực hiện.

b) *Điều chỉnh chương trình giảng dạy*: Chương trình giảng dạy thường được các chuyên gia giáo dục đề xuất theo kinh nghiệm nên nhiều khi mang tính tư biện, chưa sát với nhu cầu, nguyện vọng của HS, chưa phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lí lứa tuổi,... nên cần *thương lượng, điều chỉnh* cho thích hợp. Theo đó, các câu hỏi hay vấn đề, nguyện vọng mà HS đề ra cần được xem như cơ sở điều chỉnh chương trình giảng dạy.



**5.4. Theo Robin Fogarty có ba dạng tích hợp cơ bản**

**5.4.1. Tích hợp nội môn**

a) *Các môn học là riêng biệt.* Một kiểu thường thấy khi thiết kế chương trình giảng dạy truyền thống là tách chủ đề và khóa học thành các môn học riêng biệt, như: Toán học, Khoa học, Nhân văn, Nghiên cứu xã hội, Nghệ thuật, Kỹ thuật,... Như thế, mỗi lĩnh vực, môn học được xác định như một khóa học độc lập, tách biệt, có nhiệm vụ riêng, ít gắn kết với các môn khác.

Theo cách này việc tích hợp là khó khăn song chúng ta vẫn có thể thực hiện bằng cách liệt kê và sắp xếp các chủ đề, KT, KN sao cho chúng được tổ chức một cách có hệ thống, theo những ưu tiên ngầm định trong chương trình của từng môn học đó.

*b) Liên kết*

Cách này tập trung vào các phân môn, đơn vị KT và các mối liên hệ giữa chúng trong một môn học cụ thể. Nó tập trung tạo ra các kết nối chủ đề này với chủ đề khác, KN này với KN khác hoặc KT này với KT khác, đó là một hình thức đơn giản của tích hợp. Để thực hiện phương pháp trên có hiệu quả, GV cần hiểu rõ và hướng dẫn, hỗ trợ HS hình dung mối liên hệ giữa công việc học tập của một ngày, học kì,... với thời gian, công việc tiếp theo, ở lớp trên.

*c) Lồng ghép/đồng tâm*

Theo cách này, tích hợp tận dụng sự kết hợp tự nhiên và được thực hiện bằng cách tạo ra các kết nối hay sự kết hợp tường minh. Theo đó, nội dung dạy học có thể được thực hiện trong một bài học và lặp lại theo chủ đề, một cách đồng tâm, mở rộng dần theo mạch phát triển của KT.

**5.4.2. Tích hợp xuyên môn**

*a) Mô hình chuỗi tiếp nối*

Theo cách này, các chủ đề và đơn vị KT được dạy độc lập, bố trí và sắp xếp theo trình tự để cung cấp nội dung hỗ trợ cho HS khi học các KT liên quan. Vì vậy, GV phải sắp xếp để các chủ đề, đơn vị tương tự, giữa các môn ăn khớp với nhau. Ví dụ, kiến thức về vẽ đồ thị có thể cần dùng giúp HS thu thập, biểu diễn dữ liệu khi học về thời tiết.

Để thực hiện kiểu tích hợp đó, GV cần thảo luận để thống nhất và lên kế hoạch về trình tự của các đơn vị KT, từng nội dung giảng dạy để chúng được đồng bộ. Điều này có nghĩa là, GV có thể phải thay đổi trình tự của các chủ đề có trong sách giáo khoa theo chương trình hiện hành.

*b) Chia sẻ/tạo môn mới từ các môn*

Mô hình chia sẻ sẽ gộp vài môn học riêng biệt lại với nhau tạo ra một môn mới. Phương pháp trên sẽ chọn lựa các KT tuân thủ nguyên tắc chung, hướng vào mục tiêu đã định. Để tích hợp theo cách tiếp cận này, GV các môn cần cùng nhau xây dựng kế hoạch giảng dạy để đảm bảo được chuẩn KT đề ra, dựa vào KT của từng môn học riêng rẽ. Các môn học theo "sự cộng tác" đó lên kế hoạch dạy học bằng cách chọn ra các chủ đề hội tụ, KT và KN chung. Khi đó cần xác định được những điểm chung, loại bỏ được các trùng lặp không cần thiết trong nội dung.

*c) Liên kết màng chân vịt*

Tích hợp theo kiểu này được tiếp cận theo chủ đề. Để tích hợp các nội dung môn học, khi có quá nhiều môn học, nội dung dạy học được đề cập cùng lúc. Do đó, các chủ đề rộng lớn như sự *biến đổi khí hậu, văn hóa, khám phá, môi trường, tương tác, sáng chế, năng lượng, hệ thống, thời gian và công việc*,... là cơ hội cho GV tìm ra các chủ đề hội tụ, KT và KN chung cần đạt. Mỗi chủ đề có thể được tạo ra và đề cập đến các mục tiêu hay trọng tâm khác nhau. Tuy nhiên, cần đảm bảo trọng tâm chính là các KT, chủ đề, chuyên mục chung thay thế cho những gì mà mỗi môn riêng rẽ phải đảm nhiệm trước đó.

*d) Tiếp cận luồng/xâu chuỗi*

Xâu chuỗi để tích hợp là một tiếp cận siêu chương trình mà tại đó các ý tưởng lớn được mở rộng/tăng cường. Phương pháp này xâu chuỗi các KN tư duy, KN xã hội, KN nghiên cứu, thiết lập đồ họa, tiếp cận công nghệ và tiếp cận đa trí tuệ, sao cho tư duy được rèn luyện, trải nghiệm, rộng theo tất cả các môn học.

Cách này sẽ phải thay thế, xoá nhòa, làm mờ ranh giới giữa các nội dung, chủ đề môn học theo kiểu tách biệt, truyền thống nên các chủ đề liên môn sẽ hướng tập trung vào rèn luyện các KN tư duy, KN chung, cốt lõi, KN sống,... để chọn lựa tích hợp nội dung dạy học. Tiếp cận kiểu xâu chuỗi đòi hỏi việc học cũng như tư duy ở cấp độ tổng hợp (của S.Bloom) nên GV cần kết hợp chặt chẽ các phương pháp cũng như kĩ thuật dạy học, giúp HS tự suy ngẫm nội dung đó.

*e) Tích hợp*

Theo cách này, các chủ đề liên môn được sắp xếp quanh nội dung mà các môn cùng có cơ hội hình thành và rèn luyện, hay các tình huống điển hình giữa các môn. Theo đó, hòa trộn các KN, KT và thái độ mà các môn học cùng hướng vào rèn luyện, thông qua dạy học. Cách này rất giống với phương pháp chia sẻ và tích hợp sẽ tạo ra môn mới hay hệ thống các chủ đề mà KT mỗi chủ đề có liên quan đến khoa học bộ môn. Tuy nhiên, các chủ đề đó hướng vào kết quả chung, liên quan đến phạm vi nội dung đề cập trong từng bộ môn mà không đơn giản là phép cộng các KT của các môn đó lại. Để tích hợp được hiệu quả GV phải làm việc cùng nhau, hình thành các chủ đề hoặc các vấn đề tương đồng mà không quá chú trọng vào KT của từng môn như trước kia.

**5.4.3. Thông qua người học**

*a) Đắm chìm/trầm ngâm*

Phương pháp này hướng vào tất cả những gì có trong chương trình, chú trọng vào những chỗ có sự quan tâm đặc biệt. Việc tích hợp được tổ chức theo nguyện vọng của người học gần như không có sự can thiệp từ bên ngoài. Ví dụ: Các nghiên cứu sinh thường mãi mê suy nghĩ về một lĩnh vực nghiên cứu đang quan tâm. Khi đó họ tìm kiếm, chọn lựa, tích hợp tất cả các thông tin, dữ liệu để trả lời câu hỏi hoặc vấn đề, nhiệm vụ đã định. Lúc này người học có sự mãi mê suy nghĩ, nghiên cứu với sự quan tâm sâu sắc hoặc sự đam mê rất mãnh liệt về vấn đề đang chú ý.

Tương tự như vậy, một đứa trẻ sẽ đắm chìm vào việc vẽ tranh hoặc viết các câu chuyện về đối tượng mà



chúng quan tâm. Giống như hầu hết các nghệ sĩ và các nhà văn có sự đam mê về lĩnh vực của họ, người học mãi mê suy nghĩ liên tục tạo ra những kết nối giữa các chủ đề để họ lựa chọn với các môn học. Điều này thúc đẩy sự quan tâm và cho phép người học tạo ra các kết nối đó và tự hướng mình vào việc học theo các mối quan tâm để ra.

*b) Nối mạng*

Phương pháp nối mạng tạo ra kết nối giữa các trọng tâm trong quan hệ đa chiều, cung cấp nhiều ý tưởng và cách thức khám phá. Phương pháp này hoàn toàn lấy HS làm trung tâm và thừa nhận chỉ có người học mới có thể định hướng được quá trình tích hợp. Với cách đó người học biết về các chủ đề và có thể tự định hướng được các trọng tâm trên cơ sở các nguồn lực cần thiết, cả trong một môn và xuyên qua các lĩnh vực môn học.

**6. Tích hợp chương trình giảng dạy môn Toán ở trường phổ thông**

Hiện nay, trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng, môn Toán bao gồm các phân môn hay mạch KT, như: Số học, Đại số, Hình học, Lượng giác, Giải tích, Thống kê, Xác suất, Tổ hợp, Tập hợp, Logic,... Vì thế, khi lựa chọn và sắp xếp các chủ đề/mạch KT một cách hợp lý để dạy học từ tiểu học đến trung học phổ thông đã có thể xem là THCTGD, theo hướng tích hợp trong nội bộ môn học.

Môn Toán là môn học công cụ bởi nhiều KT toán được khai thác, vận dụng trong dạy học các môn khác, như: Vật lý, Hoá học, Sinh học, Địa lý,... và cả ứng dụng trong thực tiễn, lao động, sản xuất nên môn học đó có nhiều cơ hội để tích hợp liên môn, xuyên môn. Ngoài ra, môn Toán đòi hỏi tư duy logic, sáng tạo,... khi quan tâm, nghiên cứu chuyên sâu có thể tích hợp thông qua việc học của HS. Như vậy, môn Toán ở trường phổ thông Việt

Nam có cơ hội để thực hiện tích hợp theo cả 3 hình thức đã nêu trên.

**7. Kết luận**

Ở Việt Nam, tích hợp trong dạy học đã xuất hiện từ rất lâu nhưng trước đây không dùng chính xác thuật ngữ "tích hợp". Hơn nữa, tích hợp cũng chưa được hiểu một cách thấu đáo, thống nhất, mới chỉ dừng ở mức hiểu tích hợp như là sự kết nối, liên hệ, lồng ghép các vấn đề gần nhau. Vì thế tìm hiểu về tích hợp chương trình giáo dục để có cách hiểu thống nhất và có thể triển khai ở nước ta là điều cần thiết.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Đỗ Đình Hoan, (2002), *Một số vấn đề cơ bản của chương trình tiểu học mới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.  
 [2]. Mark L. Merickel (Oregon State University), (2003), *Integration of the Disciplines - Ten Methodologies for Integration*.  
 [3]. Cao Thị Thặng, (2010), *Vận dụng quan điểm tích hợp trong việc phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông sau năm 2015*, Báo cáo Tổng kết Đề tài cấp Bộ, mã số: B2008-37-60.  
 [4]. Phạm Đức Quang, Nguyễn Thế Sơn, *Dạy học Toán ở trường phổ thông theo hướng gắn với thực tiễn, tăng cường thực hành, ứng dụng, liên môn*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 74, tháng 4, năm 2012.  
 [5]. Susan M. Drake & Joanne Reid (Brock University), (2010), *Integrated Curriculum Increasing relevance while maintaining accountability*.  
 [6]. Xavier Roegiers, (1996), *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường* (Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhị dịch), NXB Giáo dục, Hà Nội.

**TREND TO INTEGRATE GENERAL CURRICULUM FROM INTERNATIONAL PERSPECTIVES**

**Pham Duc Quang - The Vietnam Institute of Educational Sciences**  
**Email: pducquanghn62ktrung@yahoo.com.vn**  
**Nguyen The Son - Han Thuyen High School - Bac Ninh**  
**Email: ntson.edu@gmail.com**

**Abstract:** *Integrated programs make learning contents closely to the real life, work. Nowadays, many countries have made efforts to implement integrated programs with initial success. The integrated teaching appeared a long time ago without exact concept of "integration". Furthermore, this term has not been thoroughly understood and agreed, just seen as the connection, contact and integration. Thus, it is necessary to know about integrated education programs so as to have a consistent understanding and carry out these programs. The article reviewed integrated trend and the integrated models of education through local and international researches.*

**Keywords:** *Integration; programs; general education; world.*